

Số: 82518/QĐ-CTHN-TTKT10-XPVPHC

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính về thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ các Luật thuế, Luật phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;
Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;
Căn cứ Biên bản thanh tra thuế ký ngày 13/11/2023 giữa Công ty và Đoàn thanh tra theo Quyết định số 62827/QĐ-CTHN-TTKT10 ngày 28/8/2023 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội về việc thanh tra chấp hành pháp luật thuế Công ty cổ phần Viwaco;
Căn cứ Kết luận thanh tra số 82518/KL-CTHN-TTKT10 ngày 23/11/2023;
Căn cứ Quyết định số 61213/QĐ-CTHN ngày 21/8/2023 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;
Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Thanh tra Kiểm tra số 10 - Cục thuế TP Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty cổ phần Viwaco

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Mã số thuế: 0101624050

- Công ty cổ phần Viwaco (sau đây gọi tắt là Công ty) có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101624050 ngày 17/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 8 ngày 06/01/2022.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Hữu Tới Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

- Về Thuế GTGT: Công ty kê khai khấu trừ thuế GTGT HHDV mua vào đối với các hóa đơn trên 20 triệu thanh toán bằng tiền mặt; kê khai thiếu thuế GTGT hàng hóa dịch vụ bán ra các khoản chi quà tặng khách hàng; Công ty kê khai điều chỉnh một số chỉ tiêu trên tờ khai thuế GTGT chưa đúng quy định.

- Về Thuế TNDN: Công ty hạch toán chi phí đối với hóa đơn từ 20 triệu trở lên thanh toán bằng tiền mặt; Công ty hạch toán các khoản chi phí trích trước chưa có hóa



đơn chứng từ, xác định khoản chi phí được hưởng ưu đãi thuế TNDN chưa đúng quy định.

- Về việc sử dụng hóa đơn bán ra: Công ty chưa xuất hóa đơn quà tặng khách hàng.

3. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại:

- Về thuế GTGT: Công ty vi phạm về kê khai bổ sung quy định tại Khoản 4, Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; vi phạm về xác định thuế suất 10% quy định tại Điều 11, vi phạm về nguyên tắc, điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính; sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

- Về thuế TNDN: Công ty vi phạm về kê khai bổ sung quy định tại Khoản 4, Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Công ty vi phạm về xác định các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính; sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

- Về hóa đơn bán ra: Công ty vi phạm về nguyên tắc lập hóa đơn quy định tại Khoản 1a Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

4. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

4.1. Các tình tiết tăng nặng: Khai sai, khai không đầy đủ các chỉ tiêu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế trong hồ sơ thuế nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc không dẫn đến tăng số tiền thuế của kỳ kê khai thuế GTGT tháng 01 năm 2022 và tháng 12/2022; Không lập 02 tờ hóa đơn đối với hàng hóa cho biếu tặng.

4.2. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

5. Các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm: Không có.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, cụ thể:

- Phạt tiền với số tiền: 311.789.830 đồng, trong đó:

+ Xử phạt đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn theo quy định tại Khoản 2c Điều 138, Khoản 1 Điều 142 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, mức phạt 20% tính trên số thuế thiếu do khai sai, số tiền: 295.769.830 đồng (TM 4254).

+ Xử phạt đối với hành vi khai bổ sung hồ sơ khai thuế (tờ khai thuế TNDN năm 2022, tờ khai thuế GTGT tháng 4/2022 và tháng 10/2022) làm tăng số tiền thuế phải nộp khi cơ quan thuế đã công bố quyết định thanh tra thuế tại trụ sở NNT theo quy định tại Khoản 2 Điều 47, Khoản 2c Điều 138, Khoản 1 Điều 142 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, mức phạt: 20% tính trên số thuế thiếu do kê khai sai, số tiền: $(600.000 + 750.000) * 20\% = 270.000$ đồng (TM 4254: 270.000 đồng).

+ Xử phạt đối với hành vi khai sai, khai không đầy đủ các chỉ tiêu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế trong hồ sơ thuế nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc không dẫn đến tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn theo quy định tại



Khoản 3 Điều 12, Khoản 3 Điều 16, Khoản 7 Điều 17 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Khoản 3 Điều 5, Khoản 1 Điều 6, Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do kê khai sai kỳ kê khai thuế GTGT tháng 01/2022 và tháng 12/2022 số tiền: $6.500.000 \times 2 + (6.500.000 \times 10\% \times 01) = 13.650.000$ đồng (TM 4254).

+ Xử phạt đối với hành vi không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng theo quy định tại Khoản 2b Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Khoản 3 Điều 5, Khoản 1 Điều 6, Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do không lập 02 tờ hóa đơn, số tiền: 2.100.000 đồng (TM 4254).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

- Nộp đủ số tiền thuế GTGT, thuế TNDN thiếu: 1.478.849.151 đồng. Trong đó:
+ Thuế GTGT số tiền 799.096.929 đồng (Năm 2022) – TM 1701.
+ Thuế TNDN số tiền 679.752.222 đồng (Năm 2022) – TM 1052.
- Nộp tiền chậm nộp tiền thuế, số tiền: 47.319.412 đồng (TM 4931: 1.232.211 đồng, TM 4918: 46.087.201 đồng) theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 59, Luật quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính sau khi bù trừ với số tiền thuế TNDN công ty đã nộp vào NSNN và tính đến hết ngày 13/11/2023. Yêu cầu Công ty cổ phần Viwaco tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 14/11/2023 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tổng số thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là: 1.837.958.393 đồng (*Một tỷ tám trăm ba mươi bảy triệu chín trăm năm mươi tám ngàn ba trăm chín ba đồng*). Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do Công ty cổ phần Viwaco chi trả.

7. Một số nội dung xử lý khác:

+ Giảm thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau, số tiền: 28,080,000 đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/11/2023.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Nguyễn Hữu Tới đại diện cho Công ty cổ phần Viwaco để chấp hành.

Công ty cổ phần Viwaco phải nộp tiền phạt, tiền khắc phục hậu quả vào tài khoản số tài khoản số 7111 mở tại Kho bạc nhà nước quận Thanh Xuân; Cơ quan quản lý thu: Cục thuế TP Hà Nội trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận Quyết định xử phạt.

Công ty cổ phần Viwaco phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty cổ phần Viwaco không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần Viwaco có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc nhà nước quận Thanh Xuân để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Thanh tra Kiểm tra số 10, Phòng Thanh tra Kiểm tra số 5, Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, Phòng Kế khai và Kế toán thuế để phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ, VT, TTKT10. (1.4)



Nguyễn Tiến Trường

